KHẢO SÁT KIẾN THỨC VÀ THỰC TRẠNG NUÔI CON BẰNG SỮA MẸ CỦA CÁC BÀ MẸ SAU SINH TẠI KHOA SẢN BỆNH VIỆN QUÂN Y 4 NĂM 2022

Phạm Thị Hoa[1], Lê Thị Vân[1], Phan Thị Thúy[1], Lê Quảng Tuấn[1]

TÓM TẮT

Mục tiêu: Tìm hiểu kiến thức và thực trạng nuôi con bằng sữa mẹ của các bà mẹ sau sinh

Đối tượng và phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 670 sản phụ sau sinh ngày thứ nhất từ tháng 1 đến tháng 5 năm 2022 tại khoa sản Bệnh viện quân y 4.

Kết quả: 100% sản phụ biết lợi ích của việc nuôi con bằng sữa mẹ trong đó lợi ích cho mẹ và bé được đánh giá cao nhất tỉ lệ 56.85%, có 62.24% sản phụ đánh giá sử dụng sữa nhân tạo tốn kém hơn sữa mẹ, 14,33% sản phụ đánh giá thời gian cai sữa tốt nhất cho trẻ là dưới 6 tháng đến 12 tháng tuổi, 70% sản phụ đánh giá để có nhiều sữa thì mẹ phải được ăn uống đầy đủ. Các sản phụ biết cách nuôi con bằng sữa mẹ từ cán bộ y tế tỉ lệ 51.04%. Đa số sản phụ đều biết lợi ích của sữa non và cho trẻ bú sớm sau sinh.

Từ khóa: Sản phụ, sữa mẹ

SURVEY ON KNOWLEDGE AND CURRENT PRACTICE OF BREASTFEEDING AMONG POSTPARTUM MOTHERS AT OBSTETRICS DEPARTMENT OF MILITARY HOSPITAL 4 IN 2022

SUMMARY

Objective: To understand the knowledge and current practice of breastfeeding among postpartum mothers.

[1] Bệnh viện Quân y 4/Quân đoàn 4
Người phản hồi (Corresponding): Phạm Thị Hoa (quynhhoabv4@gmail.com)
Ngày nhận bài: 15/7/2022, ngày phản biện: 24/7/2022
Ngày bài báo được đăng: 30/6/2023

Participants and research methods: A cross-sectional descriptive study was conducted on 670 postpartum mothers admitted to the Obstetrics Department of Military Hospital 4 from January to May 2022.

Results: 100% of the postpartum mothers were aware of the benefits of breastfeeding, with the highest percentage (56.85%) considering it beneficial for both mother and baby. 62.24% of the mothers perceived formula feeding as more expensive compared to breastfeeding. 14.33% of the mothers believed that the optimal weaning time for infants was between 6 to 12 months. 70% of the mothers recognized that having a well-balanced diet was important to increase breast milk production. 51.04% of the mothers acquired knowledge about breastfeeding from healthcare professionals. The majority of the mothers were aware of the benefits of colostrum and early initiation of breastfeeding.

Keywords: Postpartum mothers, breastfeeding.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sữa mẹ là thức ăn tốt nhất đối với trẻ trong những năm đầu đời. Sữa mẹ cung cấp đầy đủ các chất dinh dưỡng phù hợp cho trẻ phát triển cả về thể chất lẫn tinh thần đồng thời hạn chế được bệnh nguy hiểm như suy dinh dưỡng, các bệnh đường tiêu hóa và hô hấp cho trẻ do đó cần thúc đẩy nuôi con bằng sữa mẹ trong 6 tháng đầu của cuộc đời trẻ.

Nuôi con bằng sữa mẹ (NCBSM) là chức năng tự nhiên của người mẹ vì lợi ích của việc nuôi con bằng sữa mẹ, người mẹ cần được ủng hộ, giúp đỡ và tạo điều kiện từ gia đình, xã hội và nơi làm việc của bà mẹ đó.

Hiện nay các tổ chức quốc tế như WHO, UNICEF đều khuyến nghị cần cho trẻ sơ sinh bú mẹ sớm ngay trong nửa giờ đầu sau sinh và bú mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu.

Ở Việt nam các bà mẹ đều nuôi con bằng chính dòng sữa của mình. Tuy nhiên do nền kinh tế xã hội ngày càng phát triển, người phụ nữ tham gia vào công tác xã hội, phải đi làm sớm, phải lo lắng đến sắc đẹp của mình, bên cạnh đó nhiều loại sữa tràn ngập thị trường với nhiều quảng cáo hấp dẫn.

Người điều dưỡng, hộ sinh cần hiểu thấu đáo vấn đề nuôi con bằng sữa mẹ mới hoàn thành nhiệm vụ của mình đối với việc tư vấn, chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh.

Vì vậy chúng tôi tiến hành khảo sát kiến thức và thực trạng nuôi con bằng sữa mẹ của các bà mẹ sau sinh tại khoa sản Bệnh viện quân y 4 với mục tiêu.

1. Xác định tỉ lệ kiến thức và thực trạng nuôi con bằng sữa mẹ của các bà mẹ sau sinh.

2. Tìm hiểu một số mối liên quan giữa kiến thức và thực trạng nuôi con bằng

sữa mẹ của các bà mẹ.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

- Tiêu chuẩn lựa chọn: Sản phụ sau sinh ngày thứ nhất, không có bệnh lý kết hợp, tự nguyện tham gia khảo sát.

- Tiêu chuẩn loại trừ: Sản phụ không đồng ý tham gia khảo sát, sản phụ có bệnh lý kết hợp, sản phụ sau sinh có biến chứng phải can thiệp.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang.

- Chọn mẫu: Thuận tiện, cỡ mẫu: n= 670.

- Thời gian và địa điểm: Từ tháng 01 đến tháng 05 năm 2022 tại khoa sản Bệnh viện quân y 4 Quân đoàn 4.

Phương pháp thu thập số liệu:

- Công cụ thu thập thông tin: Bộ câu hỏi được tham khảo và thiết kế phù hợp và được thông qua Hội đồng khoa học của Bệnh viện.

- Cách thu thập thông tin: Cán bộ thu thập thông tin tới từng phòng bệnh của khoa giới thiệu mục đích, ý nghĩa của nghiên cứu, giới thiệu phiếu khảo sát và hướng dẫn sản phụ trả lời câu hỏi trên phiếu.

Phương pháp xử lý số liệu:

Số liệu lưu trữ trên máy tính và xử lý bằng phần mềm Medcale.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm chung

Bảng 3.1.1. Phân bổ theo độ tuổi

Độ tuổi	n	Tỉ lệ(%)
Tuổi từ 20 đến 35	554	82.69
Tuổi từ 36 đến 40	103	15.37
Trên 40	13	1.94
Tổng	670	100

Nhận xét: Sản phụ ở độ tuổi từ 20 đến 35 chiếm tỉ lệ cao 82.69%, vẫn còn 17.31% sản phụ ở độ tuổi 36 đến trên 40 tuổi.

Bảng 3.1.2. Phân bổ theo nghề nghiệp

Nghề nghiệp	n	Tỉ lệ(%)
Nội trợ	30	4.48
Công nhân	496	74.03
Tri thức	44	6.57
Khác	100	14.92
Tổng	670	100

Nhận xét: Sản phụ có nghề nghiệp là công nhân chiếm tỉ lệ 74.03%, có 14.92% sản phụ làm nghề khác như buôn bán, làm việc tự do.

Bảng 3.1.3. Trình độ học vấn

Học vấn	n	Tỉ lệ(%)
Cấp I	96	14.33
Cấp II	300	44.78
Cấp III	219	32.68
Cao đẳng/Đại học	55	8.21
Tổng	670	100

Nhận xét: Sản phụ có trình độ học vấn cấp II, cấp III chiếm tỉ lệ cao 77.46%, chỉ có 8.21% sản phụ có trình độ cao đẳng, đại học

Bảng 3.1.4. Số lần sinh con

Sinh con	n	Tỉ lệ(%)
Lần thứ 1	141	21.04
Lần thứ 2	379	56.57
Lần thứ 3	150	22.39
Tổng	670	100

Nhận xét: Có 56.57% Sản phụ sinh con lần thứ 2, 22.39% sản phụ sinh con lần thứ 3.

Bảng 3.1.5. Điều kiện kinh tế

Thu nhập gia đình	n	Tỉ lệ(%)
Dưới 5 triệu	38	5.67
Trên 5 triệu	632	94.33
Tổng	670	100

Nhận xét: Đa số các gia đình có thu nhập trong tháng trên 5 triệu chiếm tỉ lệ 94.33%, còn 5.67% các gia đình có thu nhập thấp dưới 5 triệu/tháng

3.2. Kiến thức nuôi con bằng sữa mẹ

Bảng 3.2.1. Lợi ích của việc nuôi con bằng sữa mẹ

Lợi ích	n	Tỉ lệ(%)
Lợi ích cho bé	190	28.35
Lợi ích cho mẹ	34	5.1
Lợi ích cho kinh tế	65	9.7
Lợi ích cho mẹ và bé	381	56.85
Tổng	670	100

Nhận xét: 56.85% sản phụ đánh giá nuôi con bằng sữa mẹ có lợi cho mẹ và bé

Bảng 3.2.2. Những bất lợi khi cho con bú sữa nhân tạo

Bất lợi	n	Tỉ lệ(%)
Tốn kém hơn sữa mẹ	417	62.24
Mất thời gian, không thuận tiện	114	17.01
Gây tiêu chảy, khó hấp thu	83	12.39
Trẻ bỏ sữa mẹ	56	8.36
Tổng	670	100

Nhận xét: 62.24% sản phụ đánh giá cho trẻ bú sữa nhân tạo tốn kém hơn sữa mẹ

Bảng 3.2.3. Thời điểm cai sữa tốt nhất

Thời gian	N	Tỉ lệ(%)
Dưới 6 tháng	44	6.57
6 đến 12 tháng	52	7.76
12 đến 18 tháng	257	38.36
18 đến 24 tháng	167	24.92
Trên 24 tháng	150	22.39
Tổng	670	100

Nhận xét: Có 38.36% sản phụ đánh giá thời gian cai sữa tốt nhất cho bé là từ 12 đến 18 tháng, bên cạnh đó còn 14.33% sản phụ cho rằng thời gian cai sữa tốt nhất là dưới 6 tháng đến 12 tháng.

Bảng 3.2.4. Cách để có nhiều sữa cho con

Để có nhiều sữa cho bé	N	Tỉ lệ(%)
Mẹ ăn uống đầy đủ	469	70
Mẹ ngủ đủ giấc(8h/ngày) vui vẻ, tránh lo âu	73	10.9
Cho bé bú nhiều nhất là ban đêm	33	4.93
Vắt hết sữa sau bữa bú	89	13.28
Không biết	6	0.89
Tổng	670	100

Nhận xét: 70% sản phụ đánh giá muốn có nhiều sữa cho con thì mẹ phải được ăn uống đầy đủ.

Bảng 3.2.5. Hiểu biết về cách nuôi con bằng sữa mẹ

Biết cách nuôi con bằng sữa mẹ từ	n	Tỉ lệ(%)
Gia đình	217	32.39
Kinh nghiệm	71	10.6
Truyền thông	40	5.97
Các cán bộ y tế	342	51.04
Tổng	670	100

Nhận xét: 51.04% sản phụ biết cách nuôi con bằng sữa mẹ từ tư vấn của cán bộ

y tế điều này cần phát huy hơn nữa.

Bảng 3.2.6. Tư vấn nuôi con bằng sữa mẹ

Bà mẹ được tư vấn nuôi con bằng sữa mẹ	n	Tỉ lệ(%)
Có	664	99.1
Không	6	0.9
Tổng	670	100

Nhận xét: Đa số các sản phụ khi vào viện được nhân viên y tế tư vấn nuôi con bằng sữa mẹ tỉ lệ 99.1%.

Bảng 3.2.7. Sữa mẹ có phải là nguồn thức ăn tốt nhất cho trẻ?

Sữa mẹ có phải là nguồn thức ăn tốt nhất cho trẻ	n	Tỉ lệ(%)
Có	664	99.1
Không	6	0.9
Tổng	670	100

Nhận xét: 99.1% sản phụ đánh giá sữa mẹ là nguồn thức ăn tốt nhất cho trẻ

Bảng 3.2.8. Sữa non có lợi không

Lợi ích của sữa non	n	Tỉ lệ(%)
Có	667	99.55
Không	3	0.45
Tổng	670	100

Nhận xét: Đa số sản phụ đều đánh giá sữa non có lợi cho bé trong những ngày đầu mới sinh tỉ lệ 99.55%

3.2.9. Những lợi ích của sữa non: Đa số các bà mẹ trả lời chưa đầy đủ: 52.34% trả lời tăng sức đề kháng, 37.41% trả lời tốt cho tiêu hóa, 10.25% trả lời tăng cường dinh dưỡng.

Bảng 3.2.10. Lần bú đầu tiên của bé nên bắt đầu từ khi nào?

Lần bú đầu tiên của bé	n	Tỉ lệ(%)
Dưới 60 phút	592	88.36
Trên 60 phút	65	9.7
3 giờ	12	1.79
6 giờ	1	0.15
Trên 24 giờ	0	0
Tổng	670	100

Nhận xét: 88.36% sản phụ đánh giá lần bú đầu tiên của bé nên bắt đầu từ dưới 60 phút.

Bảng 3.2.11. Nên cho trẻ bú hoàn toàn trong 4-6 tháng đầu không?

Có nên cho trẻ bú hoàn toàn trong 4-6 tháng đầu	n	Tỉ lệ(%)
Có	664	99.1
Không	6	0.9
Tổng	670	100

Nhận xét: 99.1% sản phụ đánh giá nên cho trẻ bú mẹ hoàn toàn trong 4 đến 6 tháng đầu.

3.3. Thực trạng nuôi con bằng sữa mẹ

Bảng 3.3.1. Mẹ có cho bé bú sau sinh không?

Sau sinh mẹ có cho bé bú không?	n	Tỉ lệ(%)
Có	667	99.55
Không	3	0.45
Tổng	670	100

Nhận xét: Đa số sản phụ sau sinh đều cho bé bú mẹ tỉ lệ 99.55%

Bảng 3.3.2. Mẹ có cho bé bú sữa ngoài không?

Mẹ có cho bé bú thêm sữa ngoài không?	n	Tỉ lệ(%)
Bú mẹ hoàn toàn	371	55.37
Bú thêm sữa khác	299	44.63
Tổng	670	100

Nhận xét: Tỉ lệ sản phụ cho bé bú mẹ hoàn toàn chiếm 55.37%, có 44.63% sản phụ cho bé bú thêm sữa khác.

Bảng 3.3.3. Lý do mẹ cho bé bú ngoài?

Lý do mẹ cho bé bú thêm sữa ngoài	n	Tỉ lệ(%)
Đi làm sớm	447	66.72
Không đủ sữa	173	25.82
Bị bệnh	17	2.54
Có thai lại	12	1.79
Khác	21	3.13
Tổng	670	100

Nhận xét: 66.72% các sản phụ cho bé bú thêm sữa ngoài là do mẹ phải đi làm sớm.

Bảng 3.3.4. Sau sinh bao lâu mẹ cho bé bú

Thời gian cho bé bú sau khi sinh	n	Tỉ lệ(%)
Dưới 30 phút	179	26.72
30 đến 60 phút	358	53.43
Trên 60 phút	110	16.42
Trên 24 giờ	23	3.43
Tổng	670	100

Nhận xét: 80.15% sản phụ đánh giá sau sinh nên cho trẻ bú sớm trước 30 phút đến 60 phút.

Bảng 3.3.5. Mẹ có cho bé bú sữa non không?

Mẹ có cho bé bú sữa non không?	n	Tỉ lệ(%)
Có	665	99.25
Không	5	0.75
Tổng	670	100

Nhận xét: Có 99.25% sản phụ sau sinh đều cho bé bú sữa non.

Bảng 3.3.6. Mẹ cho bé bú mấy lần/ngày?

Trong ngày mẹ cho bé bú như thế nào?	n	Tỉ lệ(%)
4 lần	12	1.79
6 lần	20	2.99
Trên 6 lần	106	15.82
Bú theo nhu cầu của trẻ	532	79.4
Tổng	670	100

Nhận xét: Có 79.4% sản phụ đánh giá cho bé bú theo nhu cầu.

Bảng 3.3.7. Mẹ làm thế nào khi cho bé bú?

Mẹ làm thế nào khi cho bé bú?	n	Tỉ lệ(%)
Lau vú sạch	130	19.4
Cho bé bú đều 2 vú	283	42.24
Bú hết vú này rồi đến vú kia	175	26.12
Nặn hết sữa còn lại ở vú	69	10.3
Không biết	13	1.94
Tổng	670	100

Nhận xét: 42.24% sản phụ đánh giá cho bé bú đều 2 vú.

Bảng 3.3.8. Mẹ cho bé bú như thế nào?

Mẹ cho bé bú thế nào?	n	Tỉ lệ(%)
Giờ nhất định	94	14.03
Nhu cầu kể cả ban đêm	576	85.97
Tổng	670	100

Nhận xét: 85.97% sản phụ đánh giá cho bé bú theo nhu cầu kể cả ban đêm

3.4. Các mối liên quan giữa kiến thức và thực hành NCBSM

Bảng 3.4.1. Mối liên quan kiến thức, thực hành và nhóm tuổi

Đặc điểm Nhóm tuổi	Kiến thức đúng	Kiến thức chưa đúng	OR/P	Thực hành đúng	Thực hành chưa đúng	OR/P
>35	67	49	OR=0,766	91	25	OR=2,040
≤35	355	199	p>0,05	355	199	p=0.003

Nhận xét: Không có mối liên quan về kiến thức NCBSM với nhóm tuổi nhưng liên quan có ý nghĩa thống kê với thực hành của các bà mẹ với p=0.003.

Bảng 3.4.2. Mối liên quan kiến thức, thực hành và trình độ học vấn

Đặc điểm Học vấn	Kiến thức đúng	Kiến thức chưa đúng	OR/P	Thực hành đúng	Thực hành chưa đúng	OR/P
≥ cấp III	115	159	OR=0,395	199	75	OR=1,224
< cấp III	256	140	p= 0,0001	271	125	P>0.05

Nhận xét: Không có mối liên quan về thực hành NCBSM với trình độ học vấn nhưng liên quan có ý nghĩa thống kê với kiến thức của các bà mẹ với p=0,0001.

Bảng 3.4.3. Mối liên quan kiến thức, thực hành và kinh tế gia đình

Đặc điểm Thu nhập/ tháng	Kiến thức đúng	Kiến thức chưa đúng	OR/P	Thực hành đúng	Thực hành chưa đúng	OR/P
> 05 triệu	399	233	OR=3,293	449	183	OR=4,206
≤05triệu	13	25	p=0,0007	14	24	P<0,0001

Nhận xét: Các bà mẹ có kinh tế tạm ổn định thì kiến thức và thực hành NCBSM cao hơn 3-4 lần gia đình có kinh tế khó khăn, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với p<0,05

Bảng 3.4.4. Mối liên quan kiến thức, thực hành và số con

Đặc điểm Số con	Kiến thức đúng	Kiến thức chưa đúng	OR/P	Thực hành đúng	Thực hành chưa đúng	OR/P
1-2 con	364	156	OR=5,113	384	136	OR=1,780
>2 con	47	103	p<0,0001	92	58	p=0,003

Nhận xét: Các bà mẹ có 1-2 con thì kiến thức và thực hành NCBSM cao hơn lần lượt 5 lần và 2 lần các bà mẹ có 3 con trở lên, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với p<0,05.

Bảng 3.4.5. Mối liên quan giữa kiến thức và thực hành nhóm bà mẹ được nhân viên y tế tư vấn trực tiếp

	Thực hành đúng	Thực hành chưa đúng	OR/P
Kiến thức đúng	234	70	OR=4,680
Kiến thức chưa đúng	150	210	p<0,001

Nhận xét: Khi khảo sát nhóm các bà mẹ được nhân viên y tế tư vấn trực tiếp chúng tôi thu được: Có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa kiến thức đúng với thực hành đúng p<0,001. Các bà mẹ sau khi được nhân viên tư vấn cụ thể có kiến thức đúng sẽ thực hành NCBSM đúng gấp 5 lần so với kiến thức chưa đúng.

4. BÀN LUẬN

4.1. Đặc điểm chung

Kết quả khảo sát chúng tôi thu thập được như sau: Đối với độ tuổi từ 20 đến 35 chiếm tỉ lệ cao 82.69% tương đương với khảo sát của Phạm Thị Diễm My 2017 là 87%, phù hợp với lứa tuổi sinh đẻ, ngoài ra còn 17.31% sản phụ có độ tuổi từ 36 đến trên 40 tuổi, điều này tiềm ẩn những nguy cơ như tiểu đường thai kỳ, cao huyết áp và một số bệnh liên quan đến rối loạn nhiễm sắc thể. Sản phụ có nghề nghiệp chủ yếu là công nhân tỉ lệ 74.03% phù hợp với khảo sát vì Bệnh viện đứng chân trên địa bàn khu công nghiệp, trình độ học vấn Trung học cơ sở và Trung học phổ thông chiếm 77.46%. Có 56.57% sản phụ sinh con lần thứ 2, ngoài ra còn có 22.39% sản phụ sinh con lần thứ 3, hiện nay theo ủy ban dân số kế hoạch hóa gia đình tuyên truyền và vận động người dân thực hiện thông điệp " Mỗi cặp vợ chồng nên sinh đủ 2 con". Các gia đình đều có thu nhập ổn định trên 5 triệu/tháng.

4.2. Kiến thức nuôi con bằng sữa mẹ

Kết quả khảo sát kiến thức nuôi con bằng sữa của các bà mẹ như sau: có 56.85% sản phụ đánh giá nuôi con bằng sữa mẹ có lợi cho cả mẹ và bé, 62.24% sản phụ cho rằng cho trẻ bú sữa nhân tạo

tốn kém hơn sữa mẹ, 38.36% sản phụ đánh giá thời gian cai sữa tốt nhất cho trẻ là từ 12 đến 18 tháng thấp hơn so với khảo sát của tác giả Phan Thị Tâm Khuê 2009 là 52%, bên cạnh đó còn có 14.33% sản phụ đánh giá thời gian cai sữa tốt nhất cho trẻ là dưới 6 tháng đến 12 tháng, theo khuyến khích của WHO trẻ nên được bú mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu đời và tiếp tục bú mẹ xen kẽ đến 24 tháng tuổi. 70% sản phụ cho rằng để có nhiều sữa cho trẻ thì mẹ phải được ăn uống đầy đủ. Kiến thức sản phụ có được để nuôi con bằng sữa mẹ là do cán bộ y tế 51.04% cao hơn so với Khảo sát của tác giả Phạm thị Diễm My 2017 là 17.3%, tương đồng với khảo sát của tác giả Phan Thị Tâm Khuê 2009 là 50%, điều này cần duy trì và phát huy hơn nữa, có 5.97% sản phụ hiểu biết về cách nuôi con bằng sữa mẹ qua truyền thông điều này cho thấy công tác tuyên truyền, phát thanh, tờ rơi, quảng cáo… còn gặp nhiều bất cập. 99.1% sản phụ được tư vấn và biết sữa mẹ là nguồn thức ăn tốt nhất cho trẻ, 99.55% sản phụ biết lợi ích của sữa non nhưng trả lời chưa đầy đủ về những lợi ích của sữa non. 88.36% sản phụ đánh giá lần đầu tiên cho bé bú nên bắt đầu từ dưới 60 phút, 99.1% sản phụ trả lời nên cho trẻ bú mẹ hoàn toàn trong 4 đến 6 tháng đầu.

4.3. Thực trạng nuôi con bằng sữa mẹ

Thực trạng nuôi con bằng sữa mẹ của các bà mẹ: Có 99.55% sản phụ cho bé bú sau sinh, do người mẹ phải đi làm sớm 66.72% nên các sản phụ phải cho bé bú thêm sữa ngoài 44.63%, có 53.43% sản phụ đánh giá sau sinh 30 đến 60 phút nên cho bé bú, 99.25% sản phụ cho bé bú sữa non, 79.4% sản phụ cho bé bú theo nhu cầu, 42.24% sản phụ cho bé bú đều 2 vú, 85.97% sản phụ cho bé bú theo nhu cầu cả ngày và đêm cao hơn so với khảo sát của tác giả Phan Thị Tâm Khuê 2009 là 30%.

4.4. Một số mối liên quan giữa kiến thức và thực hành NCBSM

Có mối liên quan về thực hành NCBSM với nhóm tuổi p=0,003, khảo sát của tác giả Phan Thị Kiều Hạnh 2019: các bà mẹ có thực hành đúng ở nhóm tuổi trên 35 cao gấp 3 lần so với nhóm tuổi dưới 35.

Có mối liên quan về kiến thức NCBSM với trình độ học vấn p=0,0001.

Các bà mẹ có kinh tế tạm ổn định kiến thức và thực hành NCBSM cao hơn 3-4 lần gia đình có kinh tế khó khăn, khảo sát của tác giả Phan Thị Kiều Hạnh 2019: kiến thức đúng của các bà mẹ có kinh tế gia đình trung bình khá cao gấp 9.7 lần so với kinh tế gia đình nghèo.

Các bà mẹ có 1-2 con thì kiến thức và thực hành NCBSM cao hơn lần lượt 5 lần và 2 lần các bà mẹ có 3 con, khảo sát của tác giả Phan Thị Kiều Hạnh 2019: thực hành đúng về NCBSM của các bà mẹ có từ 1-2 con cao gấp 3 lần so với nhóm có hơn 2 con.

Các bà mẹ sau khi được nhân viên

y tế tư vấn có kiến thức đúng sẽ thực hành đúng NCBSM gấp 5 lần so với kiến thức chưa đúng.

5. KẾT LUẬN

Qua khảo sát 670 sản phụ sau sinh tại khoa sản Bệnh viện quân y 4 chúng tôi thu thập được như sau:

Kiến thức chung đúng 62.5%, thực hành chung đúng 42.9%.

Có mối liên quan về thực hành NCBSM với nhóm tuổi.

Có mối liên quan về kiến thức NCBSM với trình độ học vấn.

Có mối liên quan về kiến thức, thực hành NCBSM với kinh tế gia đình và số lần sinh con.

Có mối liên quan giữa kiến thức và thực hành NCBSM khi bà mẹ được nhân viên y tế trực tiếp tư vấn.

Kiến nghị:

Việc tư vấn NCBSM cho các bà mẹ khi mang thai và ngay sau khi sinh là điều rất cần thiết vì vậy hàng năm Bệnh viện cần phải xây dựng kế hoach đào tạo, bồi dưỡng cho Điều dưỡng, hộ sinh những kiến thức mới về NCBSM để làm hành trang vững chắc tư vấn cho các bà mẹ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ y tế: Điều dưỡng sản phụ khoa - Nhà xuất bản y học 2007.

2. Bộ y tế: Điều dưỡng nhi- nhà xuất bản y học 2008.

3. Bộ y tế: Tham vấn nuôi con bằng sữa mẹ- nhà xuất bản y học 1996.

4. Phan Thị Tâm Khuê và cộng sự: Khảo sát kiến thức và thái độ thực hành về nuôi con bằng sữa mẹ của các bà mẹ sau sinh tại khoa sản Bệnh viện Trường Đại học y dược Huế 2009.

5. Phạm Thị Diễm My: Khảo sát kiến thức và một số yếu tố liên quan về nuôi con bằng sữa mẹ của các bà mẹ sau sinh tại Bệnh viện đa khoa Trung ương Cần thơ 2017.

6. Phan Thị Kiều Hạnh: Khảo sát kiến thức, thái độ, thực hành nuôi con bằng sữa mẹ của các bà mẹ có con dưới 6 tháng tuổi tại Bệnh viện Nhi đồng thành phố Cần thơ 2019.